

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐẮK UI

Phụ biểu 01

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(Kèm theo báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND xã Đắk Ui)

ĐVT: Triệu đồng

TT	NỘI DUNG THU	DT 2026 tỉnh giao	Trong đó		DT 2026 xã giao	Trong đó		Thực hiện 6 tháng đầu năm 2026		SS thực hiện 6 tháng đầu năm (%)	
			Trung ương	NS xã		Trung ương	NS xã	Thu tại địa bàn	Xã hưởng	DT Tỉnh giao	DT xã giao
1	2	4	5	6	7	8	9	10	13	18	19
A	Tổng thu địa bàn	2.380	60	2.320	2.380	60	2.320	2.963,31	2.891,57	124,51	124,51
1	Thu từ XNQD TW										
-	Thuế GTGT	0			0						
-	Thuế thu nhập DN	0			0						
-	Thuế tài nguyên	0			0						
2	Thu từ XNQD ĐP	10	10		10	10		12,94		129,42	129,42
-	Thuế GTGT	0			0						
-	Thuế thu nhập DN	0			0						
-	Thuế tài nguyên	0			0						
3	Thu từ KVĐN có vốn đầu tư NN	0			0						
-	Thuế GTGT	0			0						
-	Thuế thu nhập DN	0			0						
-	Thuế tài nguyên	0			0						
4	Thu từ TP kinh tế NQD	225	0	225	225	0	225	1.585,58	1.585,58	704,70	704,70
-	Thuế GTGT	225	0	225	225	0	225	1.573,99	1.573,99	699,55	699,55
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nội địa	0			0						
-	Thuế thu nhập DN	0			0			11,59	11,59		
-	Thuế tài nguyên	0			0						
5	Thuế thu nhập cá nhân	420	0	420	420	0	420	273,83	273,83	65,20	65,20
6	Thuế bảo vệ môi trường	0			0						
7	Lệ phí trước bạ	1.350	0	1.350	1.350	0	1.350	971,97	971,97	72,00	72,00
8	Thu phí và lệ phí	35	0	35	35	0	35	51,19	11,21	146,27	146,27
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	0			0						

TT	NỘI DUNG THU	DT 2026 tỉnh giao	Trong đó		DT 2026 xã giao	Trong đó		Thực hiện 6 tháng đầu năm 2026		SS thực hiện 6 tháng đầu năm (%)	
			Trung ương	NS xã		Trung ương	NS xã	Thu tại địa bàn	Xã hưởng	DT Tỉnh giao	DT xã giao
1	2	4	5	6	7	8	9	10	13	18	19
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	0			0			0,62	0,62		
11	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	0	0		0	0					
12	Thu tiền sử dụng đất	200	30	170	200	30	170	54,79	46,57	27,40	27,40
13	Thu khác ngân sách	140	20	120	140	20	120	12,39	1,79	8,85	8,85
14	Các khoản thu khác tại xã	0			0						
15	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	0			0						
B	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	103.039	0	103.039	103.039	0	103.039	62.719,50	62.719,50	60,87	60,87
-	Bổ sung cân đối ngân sách	84.461		84.461	84.461		84.461	34.000,00	34.000,00	40,26	40,26
-	Bổ sung có mục tiêu	18.578		18.578	18.578		18.578	28.719,50	28.719,50	154,59	154,59
-	Chương trình mục tiêu quốc gia	0			0		0				
C	Thu chuyển nguồn							11.433,48	11.433,48		
E	Thu tạm ứng từ ngân sách cấp trên										
F	Thu kết dư từ ngân sách										
G	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên										
	Tổng thu ngân sách	105.419	60	105.359	105.419	60	105.359	77.116,29	77.044,55	73,15	73,15

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG
ĐẦU NĂM 2026

(Kèm theo báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND xã Đắk Ui)
ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	DT HĐND giao năm 2026	Thực hiện 6 tháng đầu năm	SS ước thực hiện với nhiệm vụ chi
1	2	4	8	15
I	Chi đầu tư phát triển	3.170	930,93	29%
-	Vốn XDCB tập trung	3.000	930,93	31
	Từ nguồn thu tiền sử dụng đất	170		
II	Chi thường xuyên	81.875	38.550	47,1
a	Chi thường xuyên theo định mức phân bổ		0,000	-
b	Chi tiết một số lĩnh vực	81.875	38.550	47,1
-	Chi sự nghiệp kinh tế	4.110	733,24	17,8
-	Sự nghiệp kinh tế khác			-
-	Sự nghiệp giáo dục và Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề	54.860	20.926,27	38,1
-	Sự nghiệp phát thanh truyền hình	202	202,00	100,0
-	Sự nghiệp văn hóa - thông tin	162		-
-	Sự nghiệp thể dục-thể thao	162	140,51	86,7
-	Sự nghiệp Y tế		1.011,34	-
-	Đảm bảo xã hội	3.337	5.525,49	165,6
-	Sự nghiệp khoa học công nghệ			-
-	Chi quản lý hành chính, Đảng, Đoàn thể	17.266	9.089,24	52,6
-	Chi an ninh - Quốc phòng	566	801,30	141,6
+	Quốc phòng	202	266,00	131,7
+	An ninh	364	535,30	147,1
-	Chi sự nghiệp môi trường	405	120,75	29,8
-	Chi khác ngân sách	805		-
III	Dự phòng ngân sách	1.736		
IV	Chi bổ sung từ ngân sách cấp trên	18.578		
1	Ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu	6.044		
1.1	Vốn Đầu tư XDCB			
1.2	Vốn sự nghiệp	6.044		
2	Trung ương bổ sung có mục tiêu	12.534		
VIII	Chi chuyển nguồn			
IX	Chi nộp ngân sách cấp trên			

STT	Nội dung	DT HĐND giao năm 2026	Thực hiện 6 tháng đầu năm	SS ước thực hiện với nhiệm vụ chi
1	2	4	8	15
	Tổng số	105.359,00	39.481,07	37,47